

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 296/TTr-STC ngày 22 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (trừ xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

2. Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ) và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

### **Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng) theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thực hiện theo Phụ lục số 01 kèm theo.

2. Mức giá mua xe tối đa: Thực hiện theo Phụ lục số 02 kèm theo.

Giá mua xe ô tô chuyên dùng tại khoản này là giá mua tối đa, đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì cùng các cơ quan, đơn vị rà soát, tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện sắp xếp, bố trí lại số xe ô tô chuyên dùng hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

c) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

b) Thực hiện rà soát sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc kiến nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 và thay thế Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Chánh Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực III và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC)
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- UBMTTQ VN TP và các đoàn thể;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, TC, Đ.D.Hung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Quân**

**PHỤ LỤC I:**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG**  
*(ban hành kèm theo Quyết định số ..../2025/QĐ-UBND)*

TT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>đ</i>
<b>I</b>	<b>Khối Văn phòng cấp tỉnh</b>			
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	Phục vụ nhu cầu đi lại công tác, phục vụ các đoàn giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, kỳ họp, hội nghị
<b>II</b>	<b>Khối các Sở, ngành, thành phố</b>			
<b>1</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Môi trường</b>			
1.1	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Phòng chống thiên tai	Xe phòng chống thiên tai	1	Phục vụ chỉ đạo, chỉ huy, điều hành
1.2	Ban Quản lý cảng cá, bến cá	Xe ô tô tải	4	Phục vụ hoạt động cảng cá
<b>2</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>			
2.1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Xe gắn thiết bị chuyên dùng	1	Phục vụ hoạt động kiểm tra, thanh tra, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử
2.2	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	Xe chở mẫu phục vụ công tác kiểm tra, khảo sát là nguyên liệu độc hại (xăng dầu, khí gas...)
<b>3</b>	<b>Sở Nội vụ</b>			
3.1	Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng	Xe tập lái (loại xe con)	59	Phục vụ việc đào tạo lái xe
		Xe tập lái (loại xe tải)	16	Phục vụ việc đào tạo lái xe
<b>4</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>			
4.1	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao thành phố Hải Phòng	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	3	Đưa đón vận động viên tập luyện, thi đấu
4.2	Thư viện thành phố Hải Phòng	Xe ô tô tải	1	Chở sách, báo của thư viện
4.3	Nhà hát Sân khấu truyền thống Hải Phòng	Xe ô tô tải	1	Chở đạo cụ, trang phục... phục vụ biểu diễn
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	Chở diễn viên đi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị
4.4	Nhà hát Nghệ thuật đương đại Hải Phòng	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2	Chở diễn viên đi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị
		Xe ô tô tải	2	Chở đạo cụ, trang phục... phục vụ biểu diễn
4.5	Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm thành phố	Xe gắn thiết bị chuyên dùng	3	Phục vụ công tác tuyên truyền lưu động và chiếu phim lưu

TT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>đ</i>
				động phục vụ nhân dân trong thành phố
		Xe ô tô tải	2	Vận chuyển sân khấu di động, máy móc, thiết bị âm thanh ánh sáng
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2	Đưa đón diễn viên, tuyên truyền viên, đạo diễn đi biểu diễn
4.6	Nhà hát Chèo Xứ Đông	Xe ô tô tải	2	Vận chuyển máy móc, thiết bị âm thanh ánh sáng, sân khấu
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2	Đưa đón diễn viên, tuyên truyền viên, đạo diễn đi biểu diễn
4.7	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	Đưa đón diễn viên, tuyên truyền viên, đạo diễn đi biểu diễn
4.8	Ban quản lý di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc	Xe ô tô tải	1	Chở lễ vật, cỗ vật
<b>5</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>			
5.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	Phục vụ đưa đón các đoàn công tác về giáo dục tại địa phương
<b>III</b>	<b>Khối các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố</b>			
<b>1</b>	<b>Trường Đại học Hải Phòng</b>			
1.1	Xe chuyên chở giáo viên, học sinh	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2	Xe chuyên chở giáo viên, học sinh
<b>2</b>	<b>Trường Đại học Hải Dương</b>			
2.1	Xe chuyên chở giáo viên, học sinh	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2	Xe chuyên chở giáo viên, học sinh
<b>3</b>	<b>Trường Cao đẳng Y tế</b>			
3.1	Xe chuyên chở giáo viên, học sinh	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	Xe chuyên chở giáo viên, học sinh
<b>IV</b>	<b>Khối các xã, phường, đặc khu</b>			
<b>1</b>	<b>Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>			
1.1	Xe phục vụ quản lý trật tự, quan trắc môi trường	Xe ô tô tải	3	Xe phục vụ quản lý trật tự, quan trắc môi trường; phục vụ công tác tuyên truyền lưu động
	<i>Ban Quản lý dự án Đặc khu Cát Hải</i>			
1.2	Xe vận chuyển rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (ép rác)	5	Xe vận chuyển rác
1.3	Xe phục vụ công tác duy tu, thị chính	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe gắn thang, rọ)	2	Xe phục vụ công tác duy tu, thị chính

<b>TT</b>	<b>Đối tượng sử dụng</b>	<b>Chủng loại</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>đ</i>
1.4	Xe phục vụ công tác xử lý rác tại bãi rác Chà Chà	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe cần cầu)	1	Xe phục vụ công tác xử lý rác tại bãi rác Chà Chà
1.5	Xe tang lễ	Xe phục vụ tang lễ	1	Xe tang lễ
1.6	Xe phục vụ Nghĩa Trang nhân dân đảo Cát Hải	Xe ô tô tải	1	Xe phục vụ Nghĩa Trang nhân dân đảo Cát Hải
1.7	Xe vận chuyển chất thải rắn (01 xe/ khu)	Xe ô tô tải	2	Xe vận chuyển chất thải rắn (01 xe/ khu)
<b>2</b>	<b>Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ</b>		1	
2.1	Xe phục vụ vận chuyển rác	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (ép rác)	1	Xe phục vụ vận chuyển rác
2.2	Xe phục vụ chuyên chở cán bộ, công chức	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	Xe phục vụ chuyên chở cán bộ, công chức
<b>3</b>	<b>Ủy ban nhân dân các xã</b>			
3.1	Xe phục vụ công tác duy trì trật tự chợ, kiểm tra hoạt động dân sinh	Xe ô tô tải	1	Xe phục vụ công tác duy trì trật tự chợ, kiểm tra hoạt động dân sinh
<b>4</b>	<b>Ủy ban nhân dân các phường</b>			
4.1	Xe tải phục vụ công tác trật tự đô thị và tuyên truyền	Xe ô tô tải	2	Xe tải phục vụ công tác trật tự đô thị và tuyên truyền

**PHỤ LỤC II:**  
**MỨC GIÁ MUA XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TỐI ĐA**  
(ban hành kèm theo Quyết định số ..../2025/QĐ-UBND)

<b>TT</b>	<b>Chủng loại xe</b>	<b>Giá mua xe tối đa (triệu đồng/xe)</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>
1	Xe bán tải	1.050
2	Xe ô tô tải dưới 1 tấn	500
3	Xe ô tô tải trên 1 tấn đến dưới 1,5 tấn	600
4	Xe ô tô tải trên 1,5 tấn đến dưới 2,5 tấn	650
5	Xe ô tô tải từ 2,5 đến dưới 3,5 tấn	900
6	Xe ô tô tải từ 3,5 tấn trở lên	1.100
8	Xe 05 - 07 chỗ ngồi	950
9	Xe 09 - 16 chỗ ngồi	1.300
10	Xe trên 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	1.600
11	Xe từ 24 đến dưới 30 chỗ ngồi	1.800
12	Xe từ 30 đến dưới 45 chỗ ngồi	2.500
13	Xe từ 45 đến dưới 50 chỗ ngồi	3.000
14	Xe từ 50 đến dưới 60 chỗ ngồi	3.500
15	Xe trên 60 chỗ ngồi	4.000
16	Xe ô tô ép rác loại 03 khối	850
17	Xe ô tô ép rác loại 10 khối	1.200
18	Xe ô tô ép rác loại 20 khối	2.200
19	Xe ô tô quét đường	2.300
20	Xe cần cẩu, xe ô tô tải gắn cẩu, xe gắn cẩu có thùng (rọ) nâng người	2.000
21	Xe phòng chống thiên tai (phục vụ chỉ đạo, chỉ huy, điều hành - loại 01 cầu)	950
22	Xe phòng chống thiên tai (phục vụ chỉ đạo, chỉ huy, điều hành - loại 02 cầu)	1.600